

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2025
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương “có mặt”.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 3 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Hồng T trình bày:

Ông đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn ông và bà N quen nhau và tìm hiểu nhau qua mạng xã hội sau đó quyết định đi đến kết hôn nên việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông và bà N không về chung sống cùng nhà với nhau; ông sống tại thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương còn bà N vẫn sống ở phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (do bà N còn phải chăm sóc 03 con riêng của bà N), thỉnh thoảng bà N đến C - Hải Dương ở với ông khoảng 2 đến 3 ngày sau đó lại về V - Vĩnh Phúc. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không sống chung một nhà nên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống, thỉnh thoảng gặp nhau lại xảy ra cãi nhau dẫn đến hai người đối xử lạnh nhạt và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay và cũng từ tháng 10 năm 2023 ông và bà N không gặp nhau, không quan hệ tình cảm với nhau, bà N đã chặn số điện thoại của ông nên ông không liên lạc được với bà N nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung, vay nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà N cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm như sau: Trong thời hạn giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Hồng T. Xử cho ông Lê Hồng T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

- Về án phí: Ông Lê Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị N; bà N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc do đó đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Ông Lê Hồng T kết hôn với bà Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Theo lời trình bày của ông T thì sau khi kết hôn, thời gian đầu ông T và bà N chung sống hòa thuận, hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không sống chung một nhà nên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống, thỉnh thoảng gặp nhau lại xảy ra cãi nhau dẫn đến hai người đối xử lạnh nhạt và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nên từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay ông T và bà N không gặp nhau, không quan hệ tình cảm với nhau. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N. Qua xác minh tại Công an phường Đ, thành phố V thì bà N hiện đang sống cùng 03 con tại phường Đ, thành phố V. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập bà N đến Tòa án làm việc; các giấy triệu tập của Tòa án gửi cho bà N đã được bố, mẹ đẻ bà N nhận thay và cam kết giao cho bà N nhưng bà N đều không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông T cho Tòa án. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên về sống

đoàn tụ được. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đề bà N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà N đều vắng mặt. Tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau,, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Nhưng theo lời khai của ông T thì ông T và bà N đã không chung sống cùng một nhà với nhau ngay từ thời điểm kết hôn; hai người không chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình trong cuộc sống thường ngày dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, ông T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo sổ đăng ký khai sinh lưu giữ tại UBND phường Đ thì không có thông tin về con chung của ông T và bà N. Theo lời trình bày của ông T và tài liệu do ông T giao nộp thì ông T và bà N hiện chưa có con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ: Ông Lê Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hồng T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Về án phí: Ông Lê Hồng T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006465 ngày 10 tháng 3

năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- UBND phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên